

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Anh Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Văn Trầm**

**2. Ông Huỳnh Văn Phó**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thị Tú Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông **Duy Ngọc Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **196/2020/TLST-HNGĐ** ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **58/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Bùi Thị Thủy T**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp RS, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

**- Bị đơn:** **Nguyễn Tuấn P**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp LBB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Bùi Thị Thủy T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh P tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Không có.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Tuấn P đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, bản sao đơn kiện và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến.*

*\* Tại phiên tòa,*

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn: Thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị T thì xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh P tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Theo chị T khai nhận: Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Xét thấy, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy anh P cũng không mong muốn đoàn tụ với chị T. Theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T anh P có xảy ra và hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Với thời gian ly thân dài những giữa vợ chồng vẫn không có biện pháp hàn gắn. Do đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T anh P đã đến mức trầm trọng, khó có thể hàn gắn được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng không xem xét trong vụ kiện này.

[5] Về tài sản: Chị T và anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng không xem xét trong vụ kiện này.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu 300.000đồng án phí.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Bùi Thị Thủy T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002507 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Bùi Anh Tuấn**